

Bản án số: 01/2020/LĐ-PT

Ngày: 19-3-2020

V/v: Tranh chấp về đơn phương
chấm dứt hợp đồng lao động và
bồi thường thiệt hại, trợ cấp khi
chấm dứt hợp đồng lao động.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Hải

Các Thẩm phán: Ông Võ Đình Phương

Ông Nguyễn Công Đường

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Mai - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa:
Bà Phạm Thị Trang – Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 01/2020/TLPT-LĐ ngày 21 tháng 02 năm 2020 về việc: “*Tranh chấp về đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động và bồi thường thiệt hại, trợ cấp khi chấm dứt hợp đồng lao động*”.

Do Bản án sơ thẩm số: 02/2019/LĐ-ST ngày 28 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Khánh Hòa bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2020/QĐ-PT ngày 05 tháng 3 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phạm Bích H

Địa chỉ: 01 Lô 2 đường H, phường L, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

- Bị đơn: Công ty TNHH B

Địa chỉ: Số 1 đường T, phường B, Quận A, thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Võ Trần K - Chức vụ: Trưởng phòng pháp lý Công ty TNHH B và ông Lương Xuân D - Luật sư nội bộ của Công ty TNHH B (Theo Văn bản ủy quyền số 25-03/06.19/legal ngày 03/6/2019). Ông D có mặt, ông K vắng mặt.

- Người kháng cáo: Bị đơn Công ty TNHH B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án lao động sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Khánh Hòa và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bà Phạm Bích H và Công ty TNHH B (sau đây gọi tắt là Công ty B) ký kết hợp đồng lao động với thời hạn 01 năm (Từ ngày 18/3/2002 đến 17/3/2003). Sau 01 năm, hợp đồng lao động chuyển thành hợp đồng không xác định thời hạn. Bà H làm việc tại Văn phòng đại diện thành phố N cho đến ngày bị Công ty B chấm dứt hợp đồng lao động.

Ngày 05/5/2018, Công ty B ra 02 Quyết định chấm dứt hợp đồng lao động đối với bà Hồng: Một quyết định do bà Trần Lê Q - Giám đốc cấp cao nhân sự ký và một quyết định do bà Bùi Thị T - Phó Tổng giám đốc nhân sự ký. Cả 02 quyết định trên đều cùng số 269706/2018GXN/Pru ngày 05/5/2018.

Bà H cho rằng việc Công ty B ban hành các quyết định chấm dứt hợp đồng lao động với bà là trái pháp luật vì thực tế, bà không làm bất cứ đơn xin nghỉ việc nào. Trong suốt 16 năm làm việc tại Công ty, bà luôn hoàn thành tốt các nhiệm vụ được phân công, giao phó, không vi phạm hoặc bị kỷ luật, hàng năm kết quả làm việc của bà luôn được quản lý trực tiếp đánh giá là đạt hiệu quả, đồng thời bà còn được nhận giấy khen của Hiệp hội bảo hiểm. Ngoài ra, bà còn là Giám sát cấp cao thuộc Bộ phận Nhượng quyền thương hiệu của Công ty B tại Khánh Hòa; Là công đoàn viên thuộc tổ công đoàn văn phòng B thành phố N. Ngày 06/5/2018, Công ty B cho người mời bà làm việc, ép buộc và hướng dẫn bà ký Biên bản thỏa thuận nghỉ việc để hợp thức hóa các quyết định đơn phương chấm dứt lao động nói trên. Hành vi trên của Công ty B đã làm ảnh hưởng nghiêm trọng về mặt tinh thần và vật chất của bà. Do đó, bà khởi kiện yêu cầu Tòa án:

1. Hủy Quyết định chấm dứt hợp đồng lao động số 269706/2018GXN/Pru ngày 05/5/2018 do bà Trần Lê Q – Giám đốc cấp cao phụ trách lương, thưởng, phúc lợi, tiền lương và phát triển, ký quyết định.

2. Hủy Quyết định chấm dứt hợp đồng lao động số 269706/2018GXN/Pru ngày 05/5/2018 do bà Bùi Thị T- Phó Tổng giám đốc nhân sự, ký quyết định.

3. Buộc Công ty B nhận bà vào làm việc lại và khôi phục lại tất cả quyền lợi bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp... và chức vụ mà bà đã đảm nhiệm trong thời gian làm việc tại Công ty B.

4. Bồi thường cho bà các khoản thiệt hại sau:

- Thiệt hại vật chất:

+ Lương tính từ tháng 5/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm (Tháng 11/2019):
 $19 \text{ tháng} \times 10.453.583đ = 198.618.000đ.$

+ Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm Y tế, bảo hiểm thất nghiệp của 19 tháng:
 $21.5\% \times 177.710.900đ = 42.702.892đ.$

+ Lương tháng 13 của năm 2018: 10.453.583đ.

+ Tiền thưởng kinh doanh năm 2018 (25%/thu nhập năm) = 31.360.000đ.

- Thiệt hại danh dự cá nhân: 10 tháng lương x 10.453.583đ = 104.535.800đ.

Tổng cộng: 387.670.000đ (*Ba trăm tám mươi bảy triệu sáu trăm bảy mươi ngàn đồng*).

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Phạm Bích H xin rút yêu cầu đối với các khoản tiền bảo hiểm mà Công ty phải đóng cho bà trong suốt thời gian bà bị mất việc với số tiền là 42.702.892 đồng; Bà Phạm Bích H vẫn giữ nguyên các yêu cầu khởi kiện còn lại.

Bị đơn Công ty TNHH B (do ông Võ Trần K đại diện) cho rằng: Bà H nguyên là nhân viên Công ty B theo Hợp đồng lao động không xác định thời hạn. Ngày 06/5/2018, bà H và Công ty B đã ký kết Thỏa thuận chấm dứt hợp đồng lao động, theo đó, bà H và Công ty B đồng thuận việc Hợp đồng lao động được chấm dứt kể từ ngày 05/5/2018. Theo Thỏa thuận chấm dứt hợp đồng lao động, Công ty B đã thanh toán toàn bộ các khoản chi trả cho bà H theo đúng cam kết, đồng thời, chốt và bàn giao sổ bảo hiểm xã hội theo đúng quy định pháp luật. Cụ thể, Công ty B đã thanh toán cho bà H số tiền 200.347.827 đồng (*Hai trăm triệu ba trăm bốn mươi bảy nghìn đồng*). Sau khi tạm tính khấu trừ các nghĩa vụ thuế thu nhập cá nhân, bà HỒNG đã thực nhận số tiền: 183.318.340 đồng (*Một trăm tám mươi ba triệu ba trăm mười tám triệu ba trăm bốn mươi bảy nghìn đồng*). Như vậy, Công ty B không đơn phương chấm dứt Hợp đồng lao động theo trình bày của bà H. Ngược lại, Hợp đồng lao động được chấm dứt thực hiện dựa trên thỏa thuận của các bên tại Thỏa thuận chấm dứt Hợp đồng lao động và Công ty B đã hoàn thành nghĩa vụ của mình đối với bà H (nghĩa vụ thanh toán và các nghĩa vụ bàn giao hồ sơ, tài liệu) được quy định tại thỏa thuận này. Do đó, Công ty B không chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của bà H.

Bản án lao động sơ thẩm số 02/2019/LĐ-ST ngày 28 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Khánh Hòa đã căn cứ Điều 15, khoản 2 Điều 22, Điều 41, Điều 42 và khoản 2 Điều 202 của Bộ luật Lao động năm 2012; Điểm a khoản 1 Điều 12 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, quyết định:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là bà Phạm Bích H.

- Tuyên hủy Quyết định chấm dứt hợp đồng lao động số 269706/2018GXN/Pru ngày 05/5/2018 của Công ty TNHH B, do bà Trần Lê Q – Giám đốc cấp cao phụ trách lương, thưởng, phúc lợi, tiền lương và phát triển, ký quyết định.

- Tuyên hủy Quyết định chấm dứt hợp đồng lao động số 269706/2018GXN/Pru ngày 05/5/2018 của Công ty TNHH B, do bà Bùi Thị T – Phó Tổng giám đốc nhân sự, ký quyết định.

- Buộc Công ty TNHH B phải nhận bà Phạm Bích H trở lại làm việc theo hợp đồng lao động đã giao kết và phải truy đóng tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế trong những ngày bà Hồng không được làm việc.

- Buộc Công ty TNHH B thanh toán cho bà Phạm Bích H các khoản tiền sau:

+ 02 tháng tiền lương theo hợp đồng lao động: 20.907.166đ (*Hai mươi triệu chín trăm lẻ bảy ngàn một trăm sáu mươi sáu đồng*).

+ Tiền lương tính từ tháng 05/2018 đến tháng 11/2019: 198.618.000đ (*Một trăm chín mươi tám triệu sáu trăm mười tám ngàn đồng*).

+ Lương tháng 13 của năm 2018: 10.453.583đ (*Mười triệu bốn trăm năm mươi ba ngàn năm trăm tám mươi ba đồng*).

+ Tiền thưởng kinh doanh năm 2018: 31.360.000đ (*Ba mươi một triệu ba trăm sáu mươi ngàn đồng*).

+ Tiền bồi thường bù đắp tổn thất về tinh thần: 14.900.000đ (*Mười bốn triệu chín trăm ngàn đồng*).

Tổng số tiền mà Công ty TNHH B có nghĩa vụ thanh toán cho bà Phạm Bích H là 192.610.000đ (*Một trăm chín mươi hai triệu sáu trăm mười ngàn đồng*).

- Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Bích H đối với các khoản tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp mà Công ty TNHH B phải có nghĩa vụ truy đóng lại cho bà H.

Ngoài ra, bản án còn quyết định về án phí sơ thẩm và quyền kháng cáo.

Ngày 13/12/2019, bị đơn Công ty TNHH B có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn và đại diện bị đơn đã thỏa thuận được với nhau về toàn bộ nội dung vụ án, cụ thể như sau:

Bị đơn đồng ý thanh toán cho bà Phạm Bích H số tiền là 364.297.108 đồng.

Về án phí: Bị đơn phải nộp án phí lao động phúc thẩm là 300.000 đồng và án phí lao động sơ thẩm trên số tiền phải thanh toán cho nguyên đơn là 364.297.108 đồng, cụ thể: $3\% \times 364.297.108 \text{ đồng} = 10.928.913 \text{ đồng}$.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa phát biểu:

Về tố tụng, Tòa án cấp sơ thẩm và phúc thẩm đã thụ lý, đưa vụ án ra xét xử đúng qui định.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa. Bị đơn phải chịu án phí lao động sơ thẩm và án phí lao động phúc thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Đơn kháng cáo của bị đơn nộp trong thời hạn luật định nên hợp lệ.

Tại phiên tòa, các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 300 và khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 44 và Điều 49 Bộ luật Lao động;

Căn cứ khoản 5 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; tuyên xử:

Sửa bản án sơ thẩm. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1. Công ty TNHH B thanh toán cho bà Phạm Bích H số tiền 364.297.108 đồng (*Ba trăm sáu mươi tư triệu hai trăm chín mươi bảy nghìn một trăm lẻ tám đồng*).

2. Về án phí: Công ty TNHH B phải nộp 10.928.913 đồng án phí lao động sơ thẩm và 300.000 đồng án phí lao động phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số AA/2016/0015773 ngày 18/12/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa. Như vậy, Công ty TNHH B còn phải nộp 10.928.913 đồng án phí.

* **Quy định:** Kể từ ngày bà Phạm Bích H có đơn yêu cầu thi hành án nếu Công ty TNHH B chưa thi hành xong số tiền phải thanh toán trên thì Công ty TNHH B còn phải trả thêm khoản tiền lãi của số tiền còn lại chưa thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- TAND TP. N;
- Chi cục THADS TP. N;
- Lưu: AV, VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Kim Hải